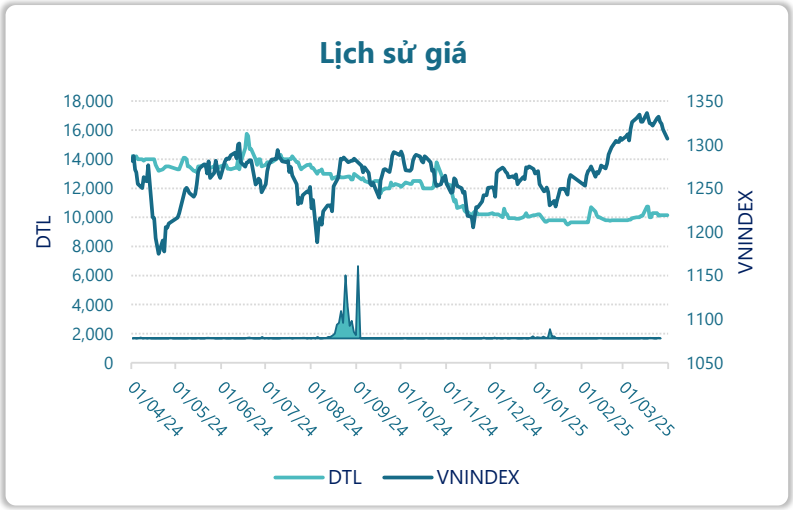
FireAnt

CTCP Đại Thiên Lộc (HSX: DTL)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**10,150**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,750
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,500
SL cổ phiếu LH	60,630,984
KLGD BQ 20 phiên (CP)	640
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	615
P/E	1250.3
EPS	8

DT thuần

Q1/25

382

tỷ VNĐ

QoQ: ▼172| -31.1%

YoY: ▲ 12.0| 3.1%

LN sau thuế

Q1/25

-30.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼31.5| -3463%

YoY: ▼5.70| -22.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.8%

+/- YoY: ▲ 5.4%

DT thuần

2024

1,967

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.00| -0.2%

LN sau thuế

2024

4.25

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 160| 103%

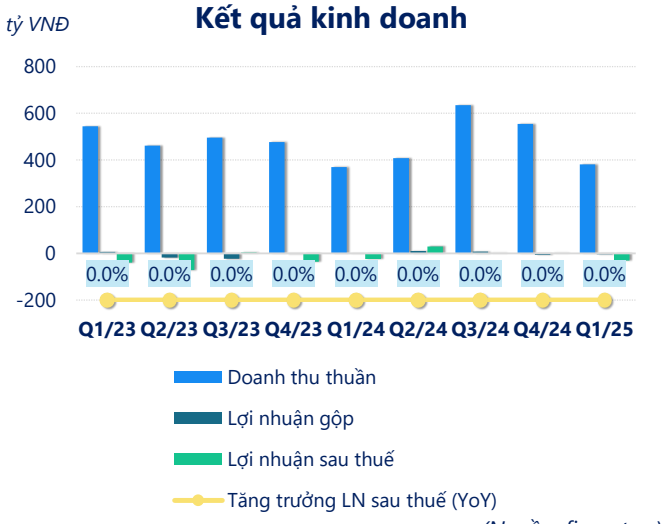
ROE

2024

0.6%

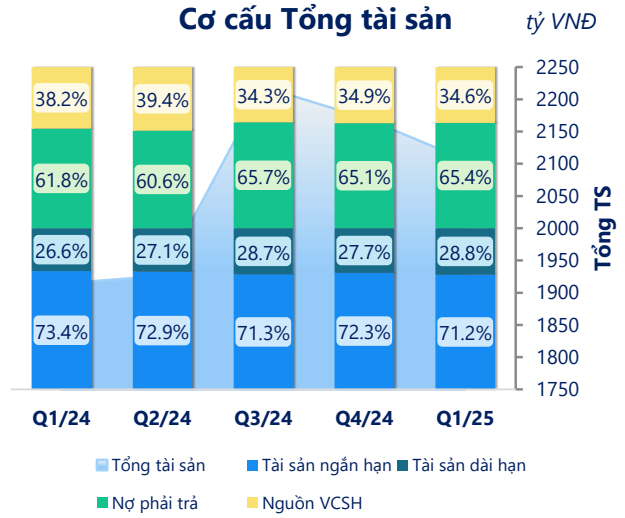
+/- YoY: ▲ 19.3%

Kết quả kinh doanh



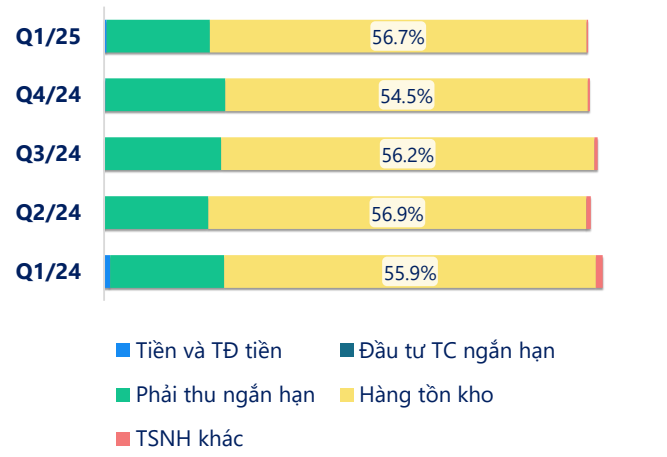
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



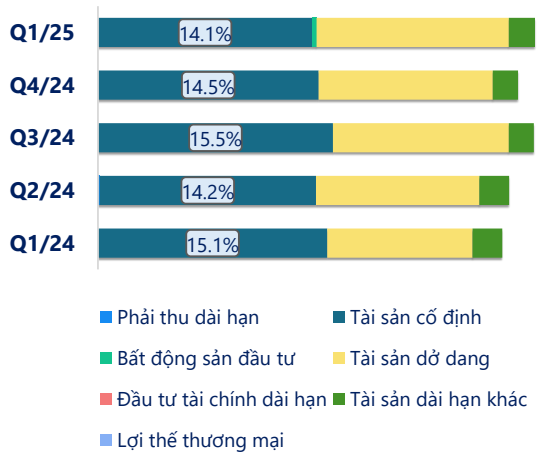
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



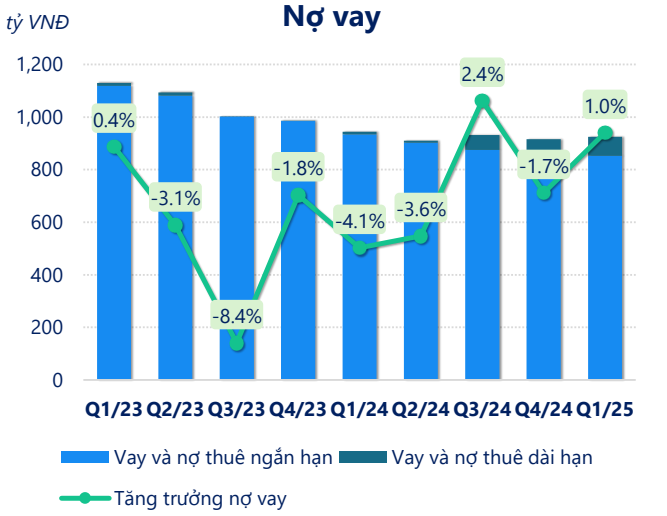
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



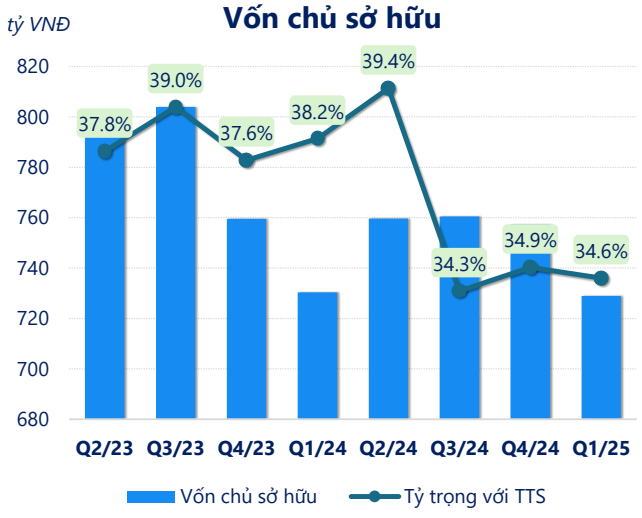
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



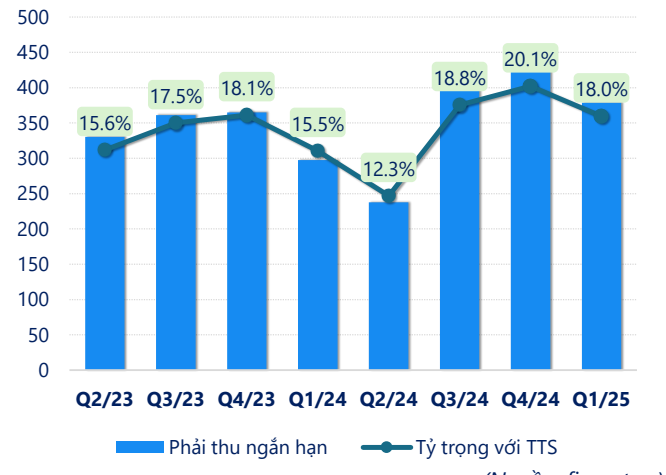
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



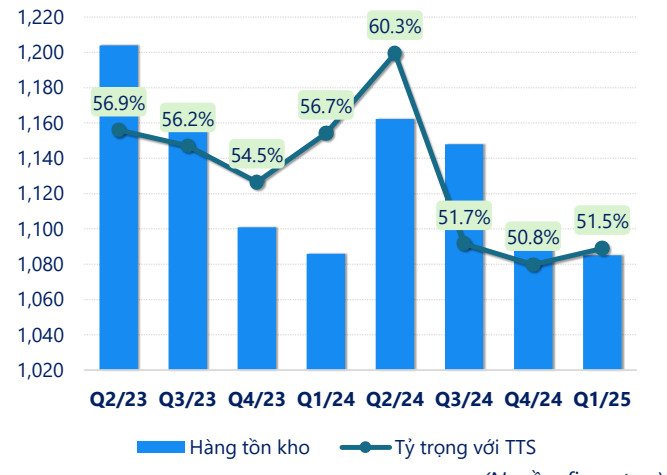
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



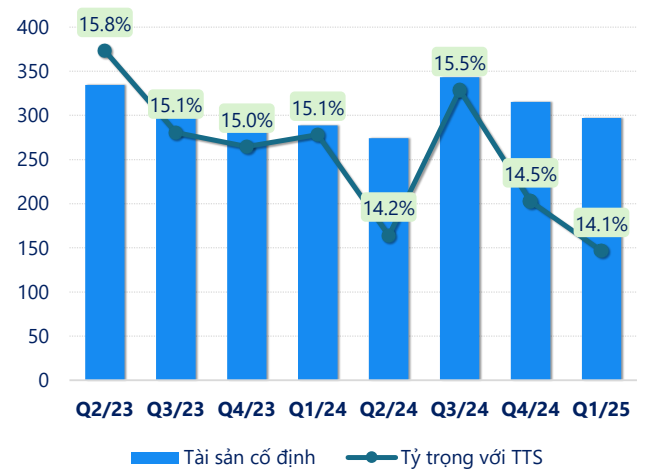
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



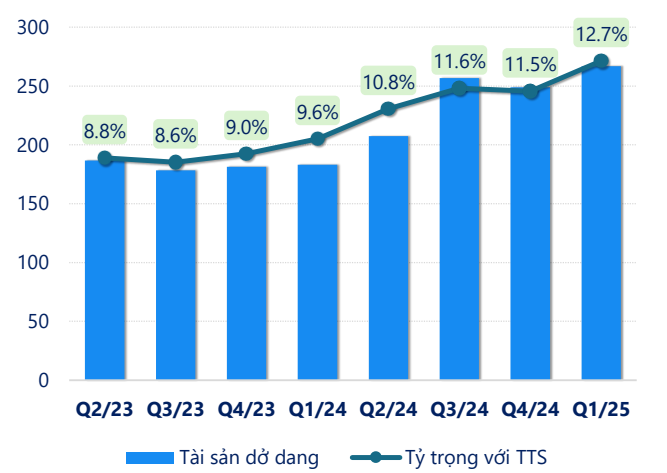
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



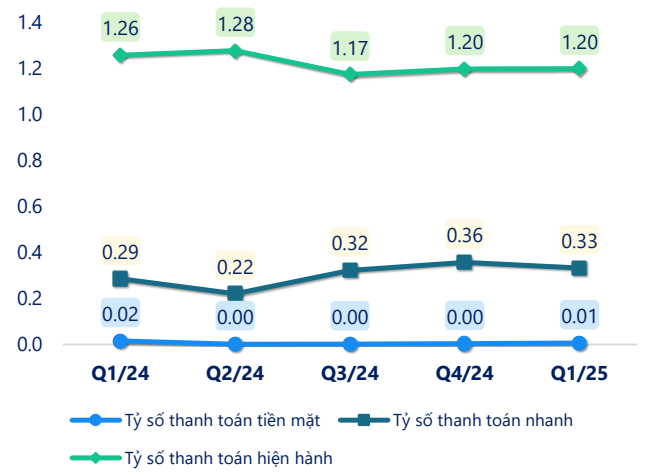
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



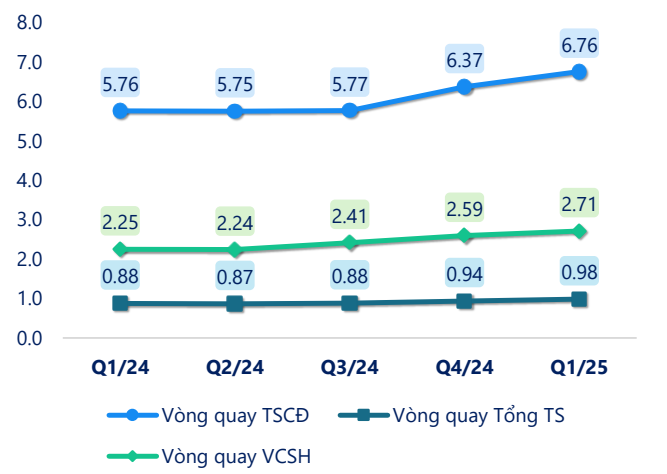
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,914**	**1,926**	**2,219**	**2,171**	**2,106**
Tài sản ngắn hạn	**1,405**	**1,405**	**1,582**	**1,571**	**1,501**
Tiền và tương đương tiền	17.5	1.89	2.23	4.26	7.67
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.00	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	297	238	417	436	379
Hàng tồn kho	1,086	1,162	1,148	1,103	1,085
Tài sản ngắn hạn khác	4.01	3.03	15.4	27.4	29.2
Tài sản dài hạn	**509**	**521**	**637**	**601**	**606**
Phải thu dài hạn	0	2.15	0	0	0
Tài sản cố định	289	274	343	315	297
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	5.92
Tài sản dở dang	183	207	257	249	267
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	37.4	37.5	36.7	36.4	36.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,184**	**1,166**	**1,459**	**1,414**	**1,377**
Nợ ngắn hạn	**1,117**	**1,100**	**1,348**	**1,311**	**1,251**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	934	903	875	868	852
Phải trả người bán ngắn hạn	96.3	149	390	333	295
Nợ dài hạn	66.3	66.5	111	103	127
Vay và nợ thuê dài hạn	9.69	6.91	56.2	47.6	72.0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**730**	**760**	**761**	**757**	**729**
Vốn chủ sở hữu	**730**	**760**	**761**	**757**	**729**
Vốn điều lệ	614	614	614	614	614
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)